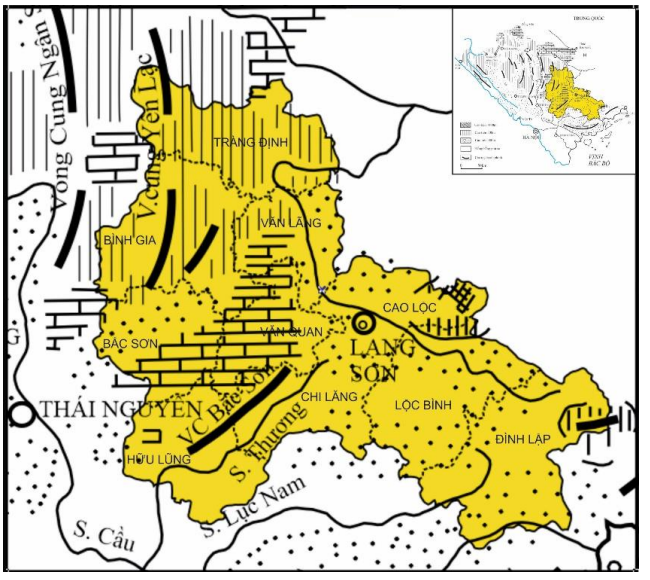
CÁC NHÓM NGƯỜI CỔ GIAI ĐOẠN HẬU KỲ ĐÁ MỚI - SƠ KỲ KIM KHÍ Ở LẠNG SƠN QUA TƯ LIỆU RÌU BÔN

NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG*

Mở đầu

Khảo cổ học tỉnh Lạng Sơn giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí từ lâu nổi tiếng với văn hóa Mai Pha. Diện mạo của văn hóa Mai Pha và nhất là những chiếc rìu bôn đá mài toàn thân đã được nhiều học giả tổng hợp, nghiên cứu và công bố (Nguyễn Cường 1997a, b; 1999; 2002; Nguyễn Cường, Hà Hữu Nga và Bùi Vinh 1997; Nguyễn Cường và Đinh Hồng Cương 1999; Bùi Vinh và Nguyễn Cường 1997; Hà Hữu Nga và Nguyễn Cường 1997). Bài viết này không có mục đích nhắc lại đặc trưng của rìu bôn Mai Pha, mà thay vào đó đặt ra câu hỏi: Lạng Sơn có những loại rìu bôn nào khác ngoài Mai Pha? Tình hình phân bố của chúng? Từ đó bước đầu tìm hiểu về không gian cư trú, di cư - di chuyển và mối liên hệ văn hóa của các nhóm người cổ giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí ở Lạng Sơn. Tư liệu để viết bài này là toàn bộ rìu bôn đá hiện đang lưu giữ trong Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn cho đến năm 2025 (Nguyễn Trường Đông 2025). Để hiểu về bối cảnh văn hóa, trước tiên xin nêu vài nét về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.



Hình 1. **Bản đồ hành chính và địa hình tỉnh Lạng Sơn** (*Nguồn: Tác giả kết hợp tập bản đồ hành chính Việt Nam 2015 và Lê Bá Thảo 1977*)

1. Vài nét về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Lạng Sơn là tỉnh miền núi, nằm ở phía Đông Bắc của Việt Nam. Phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng, phía Đông Bắc giáp Trung Quốc, phía Đông Nam giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Nam giáp tỉnh Bắc Ninh, phía Tây Nam giáp tỉnh Thái Nguyên (*Hình 1*).

Địa hình Lạng Sơn phổ biến là núi thấp và đồi, có ba khu vực địa hình như sau:

- *Vùng núi đá vôi cánh cung Bắc Sơn:* Dài khoảng 60km, rộng khoảng 50km theo đường chim bay, nằm giữa trung lưu sông Cầu và trung lưu sông Thương, thuộc địa phận của Lạng Sơn và Thái Nguyên. Nhìn chung, khối núi đá vôi này cao ở phía tây bắc (độ cao 500-600m) và thấp ở phía đông nam (độ cao 300m).

* Viện Khảo cổ học

- *Vùng đồi núi tả ngạn sông Kỳ Cùng và dọc thung lũng sông Thương:* Địa hình phổ biến ở đây là núi thấp và đồi, cấu tạo chủ yếu bởi đá trầm tích lục nguyên, ngoài ra có xen một ít đá mắc ma dọc theo đứt gãy.

- *Vùng "máng trũng Thất Khê - Lộc Bình" và đồi núi dọc biên giới Việt Trung:* Chạy dọc theo sông Kỳ Cùng với hướng dốc ngược đông nam - tây bắc. Dọc máng trũng Thất Khê - Lộc Bình, rải rác có những khối đá vôi sót như ở thành phố Lạng Sơn.

Lạng Sơn có hai con sông lớn: Sông Kỳ Cùng thuộc hệ thống sông Bằng Giang - Kỳ Cùng và sông Thương thuộc hệ thống sông Thái Bình. Hai con sông này chảy theo hai hướng địa hình khác nhau. Sông Kỳ Cùng ngả sang Quảng Tây, Trung Quốc, còn sông Thương xuôi về phía nam nhập dòng với sông Cầu và sông Lục Nam rồi đổ ra biển Đông. Các sông như sông Bắc Khê, sông Bắc Giang là phụ lưu cấp 1 của sông Kỳ Cùng xuất phát từ vùng núi cao Bắc Kạn chảy theo hướng tây bắc - đông nam nhập vào sông Kỳ Cùng (UBND tỉnh Lạng Sơn 1999).

2. Tình hình tư liệu

Nguyễn Cường (2002) đã tổng hợp tư liệu về 33 di tích khảo cổ học giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí, trong đó có 20 di tích do người Pháp phát hiện và 13 địa điểm được các cán bộ Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn và cán bộ Viện Khảo cổ học phát hiện mới tính đến năm 2002. Qua công tác chỉnh lý toàn bộ sưu tập rìu bôn năm 2025 trong kho Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn, ghi nhận từ năm 2003 đến nay phát hiện thêm 15 địa điểm khảo cổ học giai đoạn Hậu kỳ Đá mới - Sơ kỳ Kim khí (*Bảng 1*).

***Bảng 1.* Danh sách di tích hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí phát hiện từ năm 2003 - đầu năm 2025**

Stt	Tên địa điểm	Vị trí hành chính
1	Thẩm Đán Lài	Cao Lộc
2	Mỏ Đá	Chi Lăng
3	Làng Giày	
4	Hang Khung Xa	Văn Quan
5	Hang Nà Thắm	
6	Mái đá Bà Mù	Hữu Lũng
7	Hang Đồng Hang	
8	Hữu Liên	
9	Hang Bà Đầm	Bắc Sơn
10	Hang Khau Bàng	
11	Tân Hòa	Bình Gia
12	Mái đá Thẩm Thời	
13	Bản Bó	Tràng Định
14	Khuổi Tà	Đình Lập
15	Nà Pá	

Theo thống kê của Nguyễn Cường (2002), hầu hết các di tích đều có rìu bôn đá. Tuy nhiên phần lớn đã bị thất lạc qua thời gian. Hiện nay trong Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn chỉ còn lưu giữ tổng số 93 rìu bôn (cả nguyên vẹn lẫn vỡ) thuộc 20 di tích (*Bảng 2*). (*Bảng tổng hợp 26 di tích, nhưng có 6 di tích ko có hiện vật trong kho*).

Bảng 2. **Danh sách di tích hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí có di vật và được khảo sát năm 2025**

STT	Tên di tích	Thôn	Xã	Huyện	Loại hình di tích	Tọa độ địa lý (vĩ độ, kinh độ) và độ cao so với mực nước biển (m)	Hiện vật	Ghi chú
1	Hang Mai Pha			Thành phố Lạng Sơn	Hang động	N 21°49'14.9", E 106°46'08.7", 272m	Rìu bôn (có trong kho)	
2	Hang Phai Vệ				Hang động	N 21°51'04.7", E 106°45'49.8", 254m	Rìu bôn (có trong kho)	Hà Hữu Nga, Nguyễn Cường và Sầm Cảnh Dũng 1999: 139-145
3	Hang Phia Điểm	Nà Soong	Yên Trạch	Cao Lộc	Hang động	N 21°48'47.8", E 106°45'51.7", 238m	Rìu bôn (có trong kho)	Nguyễn Khắc Sử, Bùi Văn Liêm, Nguyễn Cường và Bế Văn Chuyền 1999: 145-148
4	Thẩm Đán Lài		Bình Trung		Hang động	N 21°53'04.1", E 106°39'17.7" (tham khảo)	Rìu bôn (có trong kho)	
5	Hang Tu Lầm							Nguyễn Cường và Nguyễn Đặng An 2000: 95-96
6	Mỏ Đá		Quang Lang	Chi Lăng	Ngoài trời	N 21038'39.34", E 106034'52.16" (tham khảo)	Rìu bôn (có trong kho)	Rìu phát hiện ở khu mỏ đá gần trường cấp 1, 2 xã Quang Lang
7	Làng Giày	Làng Giày	Gia Lộc		Ngoài trời	N 21043'40.88", E 106°32'28.17" (tham khảo)	Rìu bôn (có trong kho)	Thôn Làng Giày (hay Làng Giang?), xã Gia Lộc, huyện Chi Lăng
8	Hang Ngườm Sâu	Thôn Làng Giang			Hang động	N 21°43'03.3", E 106°32'43.0", 390m	Rìu bôn (có trong kho)	Nông Đức Kiên và Đinh Hồng Cương 2006: 89-90
9	Hang Lạng Nắc		Mai Sao		Hang động	N 21°41'04.4", E 106°36'40.1", 104m	Rìu bôn (có trong kho)	
10	Hang Mè Bạc	Làng Noong	Thượng Cường		Hang động	N 21°40'52.7", E 106°34'23.8", 332m	1 rìu tứ giác (không có trong kho)	Chu Văn Kỳ 1975: 87-88. Ông Nông Văn Chiến hiện đang lưu giữ chiếc rìu. Nhà đối diện với cây xăng.
11	Hang Khung Xa	Xóm Nà Cạ, thôn Nà Chè	Bình Phúc	Văn Quan	Hang động	N 21°48'19.65", E 106°31'37.79" (tham khảo)	Rìu bôn (có trong kho)	Chu Quế Ngân 2010: 135-137
12	Hang Nà Thẩm		Yên Phúc		Hang động	N 21°47'11.85", E 106°33'0.73" (tham khảo)	Rìu bôn (có trong kho)	
13	Hang Kéo Vãng		Vĩnh Lại		Hang động	N 21°52'49.4", E 106°32'46.0", 275m	Rìu bôn (có trong kho)	
14	Hang Phia Thình		Tân Đoàn		Hang động	N 21°48'14.2", E 106°35'57.4", 392m	Không có trong kho	
15	Hang Ba Xã (hang Phia Thạng)				Hang động	N 21°47'57.5", E 106°36'18.2", 403m	Không có trong kho	
16	Mái đá Bà Mù		Yên Thịnh	Hữu Lũng	Mái đá	N 21°37'17.99", E 106°22'4.98" (tham khảo)	Rìu bôn (có trong kho)	
17	Hang Đồng Hang				Hang động	N 21°37'10.00", E 106°21'42.30", 135m	Rìu bôn (có trong kho)	Nông Đức Kiên, Nguyễn Gia Quyền, Dương Việt Hưng, Dương Thùy Linh, Trình Năng Chung và Chu Mạnh Quyền 2020: 60-62
18	Hữu Liên		Hữu Liên		Ngoài trời	N 21°41'26.71", E 106°22'32.17" (tham khảo)	1 bàn đập vỏ cây (không có trong kho)	Người dân đang lưu giữ
19	Hang Bà Đầm	Gia Hòa 1	Nhất Hòa	Bắc Sơn	Hang động	N 21°46'6.61", E 106°15'23.55" (tham khảo)	Rìu bôn (có trong kho)	Chu Quế Ngân và Nguyễn Gia Quyền 2014a; 2014b
20	Hang Khau Bảng	Rù Lá	Long Đống		Hang động	N 21°56'2.34", E 106°18'21.59" (tham khảo)	Rìu bôn (có trong kho)	Phát hiện tại hang Khau Bảng. Giám đốc Bảo tàng Bắc Sơn giao
21	Hang Dơi	Kha Hạ	Vũ Lễ		Hang động	N 21°48.8'8.58", E 106°12'27.5", 381m	Rìu bôn (có trong kho)	Nguyễn Gia Đối 1985: 43-46; Phạm Thanh Sơn, Lưu Văn Phú, Nông Đức Kiên và Dương Việt Hưng 2022: 55-61
22	Tân Hòa		Tân Hòa	Bình Gia	Ngoài trời	N 21°57'52.95", E 106°10'56.03" (tham khảo)	Rìu bôn (có trong kho)	Phát hiện tại công trường xây dựng trường PTCS, xã Tân Hòa, huyện Bình Gia
23	Mái đá Thẩm Thời	Pà Lin	Tô Hiệu		Mái đá	N 21°56'24.65", E 106°24'11.78" (tham khảo)	Rìu bôn (có trong kho)	Nguyễn Cường, Lý Hải An và Vương Đắc Huy 2001: 84-85
24	Bản Bó	Bản Bó	Tri Phương	Tràng Định	Ngoài trời	N 22°18'43.29", E 106°30'23.26" (tham khảo)	Rìu bôn (có trong kho)	Người dân tìm thấy ở thôn Bản Bó, xã Tri Phương, huyện Tràng Định
25	Khuổi Tà		Đình Lập	Đình Lập	Ngoài trời	N 21°35'1.88", E 107°4'34.84" (tham khảo)	Không có trong kho	- Đinh Hồng Cương 2010: 76-77, thông báo có 2 rìu có vai ở khe suối Khuổi Tà - Khe Mạ và 1 chiếc rìu có vai ở khu vực đồi Còn Phiêng, thôn Nà Pá. - Lưu Văn Phú và Nguyễn Trường Đông 2022
26	Nà Pá	Nà Pá			Ngoài trời	N 21°38'6.40", E 107°5'27.50" (tham khảo)	Không có trong kho	

Lưu ý: Tọa độ di tích qua Google Earth.

Trên cơ sở các bài thông báo đã được công bố (nhưng không có hiện vật trong kho), một số di vật người dân mới phát hiện gần đây, kết hợp với tư liệu điền dã năm 2025 của tác giả, bài viết tiến hành phân tích 26 di tích và 97 di vật. Kết quả được trình bày dưới đây.

3. Đặc điểm di tích

Số liệu hiện tại cho thấy các di tích này có mặt ở hầu khắp các huyện, nhưng có thể thấy tập trung nhiều nhất ở khu vực thành phố Lạng Sơn và khu vực sơn khối đá vôi Bắc Sơn (*Hình 2*).



Hình 2. **Sơ đồ phân bố di tích Hậu kỳ Đá mới - Sơ kỳ Kim khí ở Lạng Sơn có di vật và được khảo sát cho bài viết** (*Nguồn: Tác giả*)

Về loại hình di tích

Thực tế cho thấy:

- Có hai loại hình di tích bao gồm hang động/mái đá và ngoài trời.

- Các di tích hang động/mái đá có tỷ lệ phần trăm vượt trội so với di tích ngoài trời (68% so với 28%).

- Các di tích thềm suối cũng có tỷ lệ phần trăm vượt trội so với di tích thềm sông (72% so với 28%). Cụ thể, có 5 di tích phân bố thềm sông Kỳ Cùng, và 2 di tích thuộc thềm sông Thương. Các di tích còn lại phân bố ở thềm suối, chủ yếu ở các huyện thuộc sơn khối đá vôi Bắc Sơn (*Bảng 3*).

Bảng 3. **Thống kê di tích theo loại hình, thềm sông/suối và đơn vị hành chính**

Đơn vị hành chính	**Loại hình di tích**			**Tổng**	**Thềm sông, suối**		**Tổng**
	Hang động/Mái đá	Ngoài trời	Không xác định		Thềm suối	Thềm sông	
	a	b	c	a+b+c	g	h	g+h
Thành phố Lạng Sơn	2			2		2	2
Cao Lộc	3			3		3	3
Chi Lăng	3	2		5	3	2	5
Văn Quan	4			4	4		4
Hữu Lũng	2	1		3	3		3
Bắc Sơn	2		1	3	3		3
Bình Gia	1	1		2	2		2
Tràng Định		1		1	1		1
Đình Lập		2		2	2		2
Tổng	**17**	**7**	**1**	**25**	**18**	**7**	**25**
%	**68,00**	**28,00**	**4,00**	**100,00**	**72,00**	**28,00**	**100.00**

Về độ cao so với mực nước biển.

Tổng số 11 di tích được đo độ cao so với mực nước biển. Số liệu cho thấy:

- Đa số các di tích có độ cao trên 250m so với mực nước biển. Đây phần lớn là các di tích Mai Pha.

- Có 2 địa điểm ở vị trí thấp nhất là hang Lạng Nắc (104m) và hang Đồng Hang (135m) thuộc phía nam khu vực sơn khối đá vôi Bắc Sơn, gần sông Thương (*Bảng 4*).

Như vậy, có thể thấy đa số các nhóm cư dân hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí ở Lạng Sơn chọn hang động, mái đá có vị trí cao để làm nơi cư trú. So sánh với các di tích cùng thời kỳ ở tỉnh Hà Giang, có thể thấy sự đối lập tương đối rõ ràng về nơi cư trú, phản ánh sự khác biệt về môi trường cổ. Đó là nếu đa số di tích ở Hà Giang nằm ở ngoài trời (như khu vực thành phố Hà Giang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, và Cao nguyên đá Đồng Văn, trừ một số địa điểm hang động ở huyện Bắc Mê) thì đa số di tích ở Lạng Sơn lại nằm trong hang động. Điều này cho thấy phần nào sự tương phản về môi trường sống ở hai nơi. Ở Lạng Sơn lúc bấy giờ có thể chủ yếu là mưa nhiều, xen kẽ có những khoảng tạnh ráo, còn ở Hà Giang, môi trường chủ đạo là khô ráo. Có lẽ chính vì điều kiện thời tiết trái ngược nhau mà người văn hóa Hà Giang di chuyển rộng hơn và xa hơn, còn người Mai Pha có không gian cư trú - di chuyển hẹp hơn nhiều.

***Bảng 4.* Độ cao so với mực nước biển**

STT		Tên di chỉ	Độ cao so mực nước biển (m)	Độ cao trung bình theo đơn vị hành chính (m)
1	Thành phố Lạng Sơn	Hang Mai Pha	272	263
2		Hang Phai Vệ	254	
3	Cao Lộc	Hang Phia Điểm	238	238
4	Chi Lăng	Hang Ngườm Sâu	390	275
5		Hang Lạng Nắc	104	
6		Hang Mè Bạc	332	
7	Văn Quan	Hang Kéo Vãng	275	357
8		Hang Phia Thình	392	
9		Hang Ba Xã	403	
10	Hữu Lũng	Hang Đồng Hang	135	135
11	Bắc Sơn	Hang Dơi	381	381
Độ cao trung bình toàn bộ di tích			289	

4. Đặc điểm di vật

Tổng số 97 di vật giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí, bao gồm 93 rìu bôn, cuốc, đục có trong Bảo tàng Lạng Sơn, 3 rìu bôn và 1 bàn đập vỏ cây hiện đang lưu giữ trong dân.

4.1. Mật độ và phân bố

Số liệu cho thấy khu vực thành phố Lạng Sơn và huyện Cao Lộc tập trung nhiều di vật nhất (lần lượt chiếm 48,45% và 28,87% tổng số di vật). Huyện Chi Lăng đứng thứ ba (với 7,22% tổng số di vật). Các khu vực còn lại chỉ có một đến vài di vật (chiếm từ 1-3%) (*Bảng 5*). Có thể thấy ba địa danh có mật độ di vật lớn đều là địa bàn phân bố chủ yếu của văn hóa Mai Pha.

***Bảng 5*. Thống kê loại hình di vật theo địa điểm và đơn vị hành chính**

Huyện, thành phố	Tên địa điểm	Loại hình											Tổng		%
		Rìu có vai	Rìu tứ giác	Rìu có vai - thổ hoàng	Rìu có vai nhuyễn thể	Cuốc	Đục	Chuôi đục	Chuôi rìu có vai	Lưỡi rìu	Phác vật rìu tứ giác	Bàn đập vỏ cây			
Tp. Lạng Sơn	Hang Mai Pha	2	35		7		2						46	47	48,45
	Hang Phai Vệ	1											1		
Cao Lộc	Hang Phia Điểm	1	3										4	28	28,87
	Thẩm Đán Lài	8	11						1	1	1		22		
	Hang Tu Lầm	2											2		
Chi Lăng	Mỏ Đá	1											1	7	7,22
	Làng Giày	1											1		
	Hang Ngườm Sâu	1	2					1					4		
	Hang Mè Bạc		1										1		
Văn Quan	Hang Khung Xa		1										1	3	3,09
	Hang Nà Thẩm	1											1		
	Hang Kéo Vãng									1			1		
Hữu Lũng	Mái Đá Bà Mù		1										1	3	3,09
	Hang Đồng Hang	1											1		
	Hữu Liên											1	1		
Bắc Sơn	Hang Bà Đầm		1										1	3	3,09
	Hang Khau Bàng	1											1		
	Hang Dơi	1											1		
Bình Gia	Tân Hòa					1							1	2	2,06
	Mái Đá Thẩm Thời	1											1		
Tràng Định	Bản Bó			1									1	1	1,03
Đình Lập	Khuổi Tà	2											2	3	3,09
	Nà Pá	1											1		
Tổng		25	55	1	7	1	2	1	1	2	1	1	97		100,00

4.2. Loại hình và hình thái - văn hóa

Các loại hình di vật được xếp vào 4 nhóm, gồm nhóm rìu bôn, nhóm cuốc, nhóm đục và nhóm di vật khác. Quá trình chỉnh lý có thể nhận biết được ba nhóm hình thái - văn hóa, đó là Mai Pha, Hà Giang và khác Mai Pha (*Bảng 6*). Các nhóm hình thái - văn hóa đều mang những nét riêng đại diện cho các nhóm cư dân cổ khác nhau giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí.

***Bảng 6*. Loại hình và hình thái - văn hóa di vật Hậu kỳ Đá mới - Sơ kỳ Kim khí ở Lạng Sơn**

Nhóm	**Loại hình**	**Hình thái - văn hóa**				**Tổng**		**%**
		Hà Giang	Mai Pha	Khác Mai Pha	Không xác định			
Rìu bôn	Rìu có vai	4	5	13	3	25	92	94,85
	Rìu tứ giác		51	4		55		
	Rìu có vai - thổ hoàng	1				1		
	Rìu có vai nhuyễn thể		7			7		
	Lưỡi rìu		2			2		
	Chuôi rìu có vai		1			1		
	Phác vật rìu tứ giác			1		1		
Cuốc	Cuốc			1		1	1	1,03
Đục	Đục		2			2	3	3,09
	Chuôi đục		1			1		
Khác	Bàn đập vỏ cây	1				1	1	1,03
Tổng		**6**	**69**	**19**	**3**	**97**		
%		**6,19**	**71,13**	**19,59**	**3,09**	**100,00**		

Nhóm rìu bôn Mai Pha:

Tổng số 69 rìu bôn, đục đá và rìu làm từ vỏ nhuyễn thể. Trong đó, rìu tứ giác có số lượng gấp hơn 8 lần so với rìu có vai (51 so với 6), không tính rìu làm từ vỏ nhuyễn thể và lưỡi rìu. Đục đá có chiều dài gấp khoảng 3 lần chiều rộng lưỡi.

Đặc trưng của rìu tứ giác Mai Pha là bình diện hình thang, mỏng, mặt cắt ngang hình chữ nhật, các góc tương đối sắc cạnh, vuông vức, làm chủ yếu từ các loại đá nguồn gốc phun trào, được mài bóng nhẵn toàn thân, mặt cắt lưỡi phổ biến kiểu một bên thẳng, một bên cong hình chữ D. Rìu có vai Mai Pha cũng mang nét riêng với vai ngắn, góc vai gần ngang. Có thể thấy sự chau chuốt, tỉ mỉ, tính quy chuẩn cao ở rìu Mai Pha. Về kỹ thuật chế tác, kỹ thuật cưa đã được sử dụng để chế tác rìu bôn ở Mai Pha. Một số dấu vết cưa ở một hoặc hai cạnh bên rìu tứ giác và đục đã được ghi nhận (*Hình 3:A-L*).

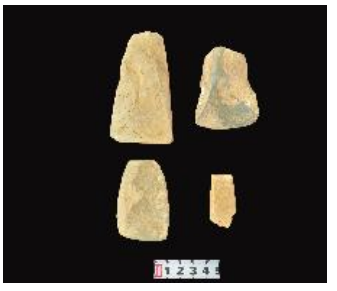
Tư liệu chỉnh lý các sưu tập rìu bôn ở Bảo tàng tỉnh Hà Giang đã ghi nhận một chiếc rìu Mai Pha có mặt ở Hà Giang (*Hình 3:M*).



A. Rìu Mai Pha ở hang Mè Bạc (Chi Lăng)



B. Rìu Mai Pha ở hang Nà Thắm, Hang Khung Xa (Văn Quan)



C. Rìu và đục ở hang Ngườm Sâu (Chi Lăng)



D. Rìu tứ giác Mai Pha và rìu có vai Hà Giang ở hang Phia Điềm (Cao Lộc)



E. Sưu tập rìu bôn, đục ở hang Mai Pha (Thành phố Lạng Sơn)



G. Rìu có vai nhuyễn thể ở hang Mai Pha (Thành phố Lạng Sơn)



H. Rìu Mai Pha ở hang Bà Đầm (Bắc Sơn)



I. Rìu và đục Mai Pha có vết cưa ở cạnh bên (đục ở hang Ngườm Sâu, rìu ở hang Mai Pha)



K. Rìu bôn Mai Pha ở Thẩm Đán Lài (Cao Lộc)



L. Rìu có vai Mai Pha và văn hóa Hà Giang (góc trái trên cùng) ở Thẩm Đán Lài (Cao Lộc)



M. Rìu hình thang Mai Pha có mặt ở Hà Giang

***Hình 3*. Rìu bôn văn hóa Mai Pha và văn hóa Hà Giang ở Lạng Sơn và Hà Giang**

(Nguồn: Tác giả)

Nhóm rìu bôn và di vật Hà Giang:

Tổng số 6 chiếc (trong đó có 4 rìu có vai, 1 rìu có vai - thổ hoàng và 1 bàn đập vỏ cây).

Đặc điểm nổi bật của rìu bôn văn hóa Hà Giang là loại hình rìu có vai chiếm ưu thế tuyệt đối, vai xuôi, góc vai lớn, chủ yếu làm từ đá sét kết hoặc thổ hoàng, mặt cắt ngang thân chủ yếu hình thấu kính có hai mặt chính cong lồi, các góc cạnh thường bo tròn, lưỡi mòn tù. Một số lượng không nhỏ rìu bôn Hà Giang còn được sử dụng làm bàn mài, để lại nhiều vết mài xước/rãnh nhỏ trên thân. Chiếc rìu có vai tìm thấy ở Tràng Định là điển hình của rìu văn hóa Hà Giang, làm từ đá thổ hoàng (mài ra có màu đỏ), kết hợp làm bàn mài (trên thân có một số vết mài xước). Tư liệu ghi nhận rìu Hà Giang có mặt ở Lạng Sơn (*Hình 4: A-C*). Chúng giống về hình dáng, chất liệu, góc vai với những chiếc rìu ở địa điểm Lò Gạch ở tỉnh Hà Giang (*Hình 4: D-G*).

Rìu văn hóa Hà Giang ở Lạng Sơn



A. Rìu có vai Hà Giang phát hiện ở các địa điểm (lần lượt từ trái qua phải): Tràng Định, hang Mai Pha, hang Phia Điểm và Thẩm Đán Lài (Lạng Sơn)



B. Rìu có vai Hà Giang tìm thấy ở hang Phai Vệ (Thành phố Lạng Sơn) (giống với chiếc rìu hình D góc trên cùng bên phải)

Rìu văn hóa Hà Giang ở tỉnh Hà Giang cũ (nay là tỉnh Tuyên Quang)



D. Rìu có vai sưu tập Lò Gạch ở tỉnh Hà Giang (giống về hình dáng, chất liệu và màu sắc)



E. Rìu bôn ở tỉnh Hà Giang



C. Bàn đập vỏ cây khắc rãnh ngang dọc kiểu Hà Giang tìm thấy ở xã Hữu Liên (Lạng Sơn)



G. Bàn đập vỏ cây ở sưu tập Lò Gạch tỉnh Hà Giang

***Hình 4*. Rìu bôn và bàn đập vỏ cây văn hóa Hà Giang ở Lạng Sơn và Hà Giang** *(Nguồn: Tác giả)*

Nhóm rìu bôn khác Mai Pha:

Đây là các rìu bôn có hình thái không phải của văn hóa Mai Pha, nhưng có mặt trong các di tích Mai Pha và ở các địa điểm khác trong địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Đặc điểm nổi bật của nhóm này là rìu có vai chiếm tuyệt đại đa số, chỉ có duy nhất 1 rìu tứ giác. Điều này trái ngược hoàn toàn với Mai Pha nơi có rìu tứ giác vượt trội về số lượng. Về hình thái, chúng gần như khác biệt nhau, không chiếc nào giống chiếc nào (*Hình 5: A-K*).

Trong nhóm này, có 2 chiếc ở hang Dơi và Thẩm Đán Lài tương đối giống nhau, với góc vai tương đối vuông, hai đầu vai gấp khúc xuống thân (*Hình 5: A và B*).



A. Rìu có vai Hang Dơi (Bắc Sơn)



B. Rìu có vai Thẩm Đán Lài (Cao Lộc)



C. Rìu có vai Hang Khau Bàng (Bắc Sơn)



D. Rìu có vai Làng Giày (Chi Lăng)



E. Rìu tứ giác Mái đá Bà Mù (Hữu Lũng)



G. Rìu có vai Mái đá Thẩm Thời (Bình Gia)



H. Rìu có vai Mỏ Đá (Chi Lăng)



I. Cuốc có vai Tân Hòa (Bình Gia)



K. Rìu có vai Hang Đồng Hang (Hữu Lũng)

***Hình 5*. Rìu bôn hình thái khác Mai Pha ở Lạng Sơn**

(Nguồn: Tác giả)

5. Các nhóm người cổ, không gian phân bố và di chuyển

Về cơ bản, từ hình thái rìu bôn có thể giúp nhận diện ra con người. Có ít nhất 3 nhóm người hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí ở Lạng Sơn, đó là nhóm người Mai Pha, nhóm người Hà Giang và nhóm người khác Mai Pha (*Bảng 7*). Số liệu cho thấy:

- Nhóm người Mai Pha tập trung với mật độ cao nhất ở thành phố Lạng Sơn (thể hiện qua số lượng 45 rìu bôn) và huyện Cao Lộc (19 chiếc), thuộc thung lũng sông Kỳ Cùng. Về phân bố, nếu lấy di tích hang Mai Pha làm trung tâm thì càng xa trung tâm, sự hiện diện của người Mai Pha càng trở nên rất thưa thớt và mờ nhạt như huyện Chi Lăng, Văn Quan (mỗi nơi 2 chiếc), và xa nhất là huyện Bắc Sơn (1 chiếc). Rõ ràng, không gian cư trú - di chuyển của họ mở rộng ra cả khu vực sơn khối đá vôi Bắc Sơn, tức là tiến về phía tây ở vùng có địa hình cao hơn, chứ không xuống vùng thấp hơn. Khoảng cách từ di tích trung tâm (địa điểm hang Mai Pha) đến các di tích vệ tinh phổ biến là 26km, xa nhất 53km theo đường chim bay.

Việc tìm thấy 1 rìu hình thang Mai Pha ở Hà Giang không nói lên được người Mai Pha di chuyển lên vùng cao Hà Giang, mà chỉ gợi ý về việc trao đổi sản phẩm giữa hai nhóm người, do người Hà Giang mang về.

Về di cư - di chuyển, tư liệu hiện tại không cho phép trả lời câu hỏi người Mai Pha đến từ đâu, chỉ biết rằng họ không có mặt ở vùng hạ lưu và thượng lưu sông Kỳ Cùng, mà họ chỉ hiện diện ở vùng cao sơn khối Bắc Sơn phía tây của tỉnh. Phương thức cư trú trong hang động, lại di chuyển lên vùng cao hơn của người Mai Pha gợi ý về kiểu môi trường mưa ẩm lúc bấy giờ.

- Nhóm người Hà Giang: Về phân bố, họ có mặt rải rác ở các khu vực như thành phố Lạng Sơn, Cao Lộc (4 rìu bôn), Tràng Định (1 chiếc), Đình Lập (1 chiếc) và Hữu Lũng (1 bàn đập vỏ cây). Khu vực này chính là thung lũng và thềm sông Kỳ Cùng thuộc máng trũng Cao Bằng - Tiên Yên. Cho nên, có thể suy đoán người Hà Giang đã theo các con sông suối dọc máng trũng này từ Cao Bằng hoặc Bắc Kạn xuống sông Kỳ Cùng, rồi ngược dòng từ hạ lưu lên trung lưu (thành phố Lạng Sơn) và thậm chí lên tận thượng lưu của sông ở Đình Lập. Đó là tuyến di chuyển thứ nhất. Tuyến di chuyển thứ hai liên quan đến chiếc bàn đập vỏ cây khắc ngang dọc kiểu Hà Giang có mặt ở khu vực sơn khối đá vôi huyện Hữu Lũng. Giả thuyết cho rằng một nhóm khác của người Hà Giang đã theo các tuyến sông suối chảy dọc từ bắc xuống nam theo vòng cung Ngân Sơn hoặc vòng cung Yên Lạc xuống, hoặc từ khu vực thềm sông Cầu ở Thái Nguyên sang.

- Nhóm người khác Mai Pha: Số lượng rìu bôn nhóm này tương đối nhiều (21 chiếc), nhưng phân bố lại rải rác. Hình dáng rìu cũng khác biệt nhau, gần như không chiếc nào giống chiếc nào. Trong bối cảnh như vậy, rất khó có thể coi từng chiếc đơn lẻ là đại diện cho một nhóm người, và không thể xác định được số lượng nhóm người. Chỉ biết rằng tập hợp rìu bôn này đại diện cho nhiều nhóm người nhỏ. Họ không có nơi sinh sống tập trung, ổn định lâu dài. Đến ngay khu vực sơn khối Bắc Sơn - nơi có số lượng rìu bôn nhiều hơn cả - nhưng đây cũng chỉ là địa bàn cư trú tạm thời của người cổ. Họ ghé qua trong thời gian ngắn, rồi lại di chuyển đi. Lý giải phương thức sống này có lẽ chỉ có thể quy về nguyên nhân môi trường mưa nhiều, ngập lụt đã khiến họ phải lên đây, rồi khi tạnh ráo, họ lại rời đi.

Vậy họ từ đâu tới khu vực sơn khối Bắc Sơn? Có thể suy đoán những người khác Mai Pha đến từ hai hướng: hướng tây từ khu vực thấp của Thái Nguyên sang và hướng bắc từ khu vực cao của Cao Bằng và Bắc Kạn xuống. Khả năng họ lên từ hướng nam - nơi là thềm sông Thương có độ cao rất thấp - là có, nhưng ít xảy ra.

Bảng 7. **Nhận diện nhóm người qua hình thái rìu bôn và phân bố**

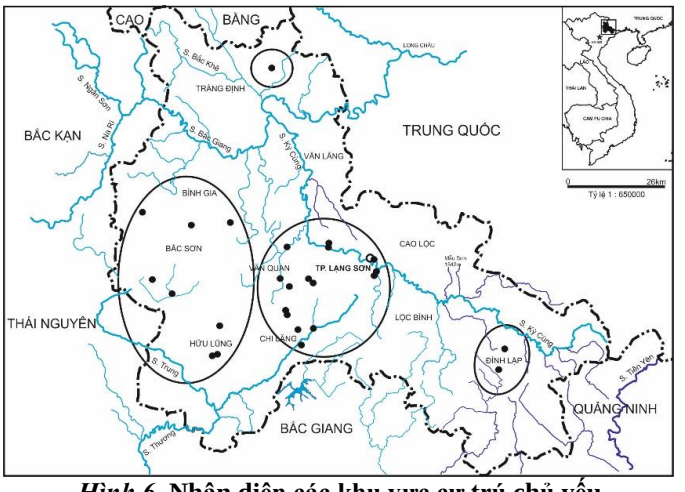
Đơn vị hành chính	Tên địa điểm	Hình thái - nhóm người			Tổng	Khoảng cách từ hang Mai Pha đến di tích khác (km)
		Hà Giang	Mai Pha	Khác Mai Pha		
Thành phố Lạng Sơn	Hang Mai Pha	1	45		46	0
	Hang Phai Vệ	1			1	3,5
Cao Lộc	Hang Phia Điểm	1	3		4	1
	Thẩm Đán Lài	1	15	6	22	14
	Hang Tu Lầm		1	1	2	
Chi Lăng	Mỏ Đá			1	1	
	Làng Giày			1	1	
	Hang Ngườm Sâu		1	3	4	26
	Hang Mè Bạc		1		1	25,5
Văn Quan	Hang Khung Xa		1		1	25
	Hang Nà Thắm			1	1	
	Hang Kéo Vãng		1		1	24
Hữu Lũng	Mái Đá Bà Mù			1	1	
	Hang Đồng Hang			1	1	
	Hữu Liên	1			1	
Bắc Sơn	Hang Bà Đầm		1		1	53
	Hang Khau Bàng			1	1	
	Hang Dơi			1	1	
Bình Gia	Tân Hòa			1	1	
	Mái Đá Thẩm Thời			1	1	
Tràng Định	Bản Bó	1			1	
Đình Lập	Khuổi Tà	1		1	2	
	Nà Pá			1	1	
Tổng		**7**	**69**	**21**	**97**	
%		**7,22**	**71,13**	**21,65**	**100**	

6. Thay lời kết luận

Tóm lại, trên cơ sở chỉnh lý toàn bộ rìu bôn đá trong Bảo tàng Lạng Sơn, bài viết đã nhận diện được một số nhóm người hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí, thảo luận về không gian phân bố, di cư - di chuyển với sự liên hệ mang tính giả thuyết về điều kiện môi trường lúc bấy giờ.

Với tư liệu hiện tại, có thể quy về 4 khu vực cư trú chính của các nhóm người như sau (*Hình 6*):

- Khu vực thành phố Lạng Sơn



Hình 6. **Nhận diện các khu vực cư trú chủ yếu của người cổ ở Lạng Sơn** *(Nguồn: Tác giả)*

và lân cận thuộc thềm sông Kỳ Cùng: Là không gian cư trú chính và lâu dài của nhóm người Mai Pha. Họ sống chủ yếu trong những hang động đá vôi ven sông, nhất là các hang còn sót lại trên thung lũng rộng lớn, thoáng và mở.

- Khu vực sơn khối đá vôi: Là địa bàn cư trú tạm thời của nhiều nhóm người cổ khác nhau, mang tính tạm thời và diễn ra trong thời gian ngắn. Người Mai Pha và người Hà Giang cũng có mặt ở khu vực này.

- Khu vực Đình Lập: Đây là khu vực thượng nguồn sông Kỳ Cùng. Nơi đây có mặt người Hà Giang và nhóm người khác Mai Pha, với số lượng rất ít ỏi.

- Khu vực Tràng Định: Chỉ ghi nhận sự có mặt của người Hà Giang ở đây.

Chú thích:

Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Mã số hợp đồng KCH/NV/2025 - 01. Tên nhiệm vụ: ***Phân tích so sánh định lượng các sưu tập rìu bôn Hậu kỳ đá mới - Sơ kỳ kim khí ở ba tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Tuyên Quang*** do Viện Khảo cổ học Chủ trì thực hiện, TS. Nguyễn Trường Đông làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU DẪN

BÙI VINH VÀ NGUYỄN CƯỜNG 1997. Văn hóa Mai Pha sau khai quật 1996 ở Lạng Sơn. Trong *Khảo cổ học, 2*, 40-54.

CHU QUẾ NGÂN 2010. Những di vật văn hóa Mai Pha phát hiện tại Bình Phúc và Yên Phúc Lạng Sơn. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2009*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 135-137

CHU QUẾ NGÂN VÀ NGUYỄN GIA QUYỀN 2014a. Điều tra khảo sát hang Bà Đầm (Lạng Sơn). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2013*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 79-81

CHU QUẾ NGÂN VÀ NGUYỄN GIA QUYỀN 2014b. Vài nét về sưu tập hiện vật hang Bà Đầm lưu giữ tại Bảo tàng Lạng Sơn. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2013*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 81-83

CHU VĂN KỲ 1975. Phát hiện đồ đá mới ở núi Mè Bạc, Chi Lăng Lạng Sơn. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1975*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 87-88.

ĐINH HỒNG CƯƠNG 2010. Phát hiện rìu đá Đình Lập Lạng Sơn. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2009*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 76-77.

HÀ HỮU NGA VÀ NGUYỄN CƯỜNG 1997. Sưu tập rìu bôn mài không có vai tại địa chỉ Mai Pha. Trong *Khảo cổ học, 2*, 55-63.

HÀ HỮU NGA, NGUYỄN CƯỜNG VÀ SẦM CẢNH DŨNG 1999. Kết quả khai quật hang Phai Vệ II 1998. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1998*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội: 139-145.

LÊ BÁ THẢO 1977. *Thiên nhiên Việt Nam*: Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

LƯU VĂN PHÚ VÀ NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG 2022. *Báo cáo điều tra khảo cổ học huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn*. Đề tài cấp Viện. Tư liệu Viện Khảo cổ học.

NGUYỄN CƯỜNG 1997a. Văn hóa Mai Pha Lạng Sơn trong Hậu kỳ Đá mới - Sơ kỳ Kim khí miền núi phía Bắc. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1996*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 162 - 166

NGUYỄN CƯỜNG 1997b. Về sưu tập hiện vật Mai Pha ở Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Trong *Khảo cổ học, 4*: 11-16.

NGUYỄN CƯỜNG 1999. Những nghiên cứu bước đầu về các địa điểm văn hóa Mai Pha - Lạng Sơn. *Khảo cổ học, 1*: 18-30.

NGUYỄN CƯỜNG 2002. *Văn hóa Mai Pha*. Nxb. Lạng Sơn.

NGUYỄN CƯỜNG VÀ ĐINH HỒNG CƯƠNG 1999. Khảo cổ học Lạng Sơn mùa điền dã 1997 - 1998. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1998*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 22-25.

NGUYỄN CƯỜNG VÀ NGUYỄN ĐẶNG AN 2000. Phát hiện di chỉ hang Tu Lầm Lạng Sơn. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1999*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 95-96.

NGUYỄN CƯỜNG, HÀ HỮU NGA VÀ BÙI VINH 1997. Khai quật di chỉ Mai Pha Lạng Sơn. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1996*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội: 154-156.

NGUYỄN CƯỜNG, LÝ HẢI AN VÀ VƯƠNG ĐẮC HUY 2001. Di chỉ Mái đá Thẩm Thời Lạng Sơn. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2000*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội: 84-85.

NGUYỄN GIA ĐỐI 1985. Khai quật Hang Dơi (Lạng Sơn). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội: 43-46.

NGUYỄN KHẮC SỬ, BÙI VĂN LIÊM, NGUYỄN CƯỜNG VÀ BẾ VĂN CHUYỀN 1999. Khai quật hang Phia Điểm Lạng Sơn. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1998*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội: 145-148.

NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG 2025. *Phân tích so sánh định lượng các sưu tập rìu bôn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí ở ba tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Tuyên Quang*. Đề tài cấp Viện. Tư liệu Viện Khảo cổ học.

NÔNG ĐỨC KIÊN VÀ ĐINH HỒNG CƯƠNG 2006. Kết quả thẩm định di chỉ hang Ngườm Sâu (Lạng Sơn). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội: 89-90.

NÔNG ĐỨC KIÊN, NGUYỄN GIA QUYỀN, DƯƠNG VIỆT HƯNG, DƯƠNG THÙY LINH, TRÌNH NĂNG CHUNG VÀ CHU MẠNH QUYỀN 2020. Đào khảo sát hang Đồng Hang, tỉnh Lạng Sơn. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2019*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 60-62.

PHẠM THANH SƠN, LƯU VĂN PHÚ, NÔNG ĐỨC KIÊN VÀ DƯƠNG VIỆT HƯNG 2022. Kết quả thăm dò hang Dơi (Lạng Sơn) năm 2021. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2022*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội: 55-61.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN 1999. *Địa chí Lạng Sơn.* Nxb. chính trị quốc gia, Hà Nội.

THE IDENTIFICATION OF THE ANCIENT GROUPS OF PEOPLE IN THE LATE NEOLITHIC - EARLY BRONZE AGE IN LẠNG SƠN PROVINCE THROUGH THE AXES/ADZES

NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG

Based on the comprehensive revision of the entire collection of stone axes in the Lang Son Museum, the article identifies several groups of people from the Late Neolithic - Early Bronze Age in Lạng Sơn. In addition to the Mai Pha people, who have long been recognized, there were also the Hà Giang people and other non - Mai Pha groups.

The paper has discussed settlement patterns, distribution areas, and the migration - movement of these ancient groups, with hypothetical connections to the environmental conditions of that time. It argues that there were four main settlement areas of the ancient groups, comprising the Lạng Sơn city area and its surroundings (in the middle course of the Kỳ Cùng River), which served as the long-term residential area of the Mai Pha people; the Bac Son limestone massif area, which was a temporary residence for various other groups; the Đình Lập area (upper course of the Kỳ Cùng River); and the Tràng Định area. The remains of the Hà Giang people were found in all four areas.